

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2016/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 01 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi,
thủy điện trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện;

Căn cứ Thông tư số 22/2015/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 285/TTr-TNMT ngày 23 tháng 6 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã La Gi và thành phố Phan Thiết; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Ngọc Hai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi,
thủy điện trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thực hiện theo Điều 1, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện (gọi tắt là Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg).

2. Ngoài những nội dung quy định tại Quy định này, các nội dung khác về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Bình Thuận (gọi tắt là Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND) và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thực hiện theo Điều 2, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg, cụ thể như sau:

1. Đối với quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, về công tác di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

b) Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5, Luật Đất đai năm 2013;

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện.

2. Đối với quy định về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư:

- a) Hộ gia đình sau tái định cư và hộ bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng khu, điểm tái định cư thực hiện các dự án thủy lợi, thủy điện;
- b) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chính sách ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.

Chương II

BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 3. Quy định chi tiết bồi thường về đất tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Điều 5, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg

1. Hộ tái định cư có diện tích đất sản xuất nằm ngoài hành lang bảo vệ hồ chứa theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ, chuyển đến điểm tái định cư xa nơi sản xuất cũ từ 5 km trở lên nếu hộ gia đình có yêu cầu thu hồi đất để thuận lợi cho việc sản xuất thì Tổ chức trực tiếp thực hiện bồi thường báo cáo Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cấp huyện xem xét, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thu hồi và bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

2. Hộ tái định cư và hộ gia đình bị ảnh hưởng có diện tích đất sản xuất nằm ngoài hành lang bảo vệ hồ chứa theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ, có khoảng cách từ nơi ở đến khu đất sản xuất dưới 5 km nhưng không có đường vào khu đất sản xuất đó, nếu hộ gia đình có yêu cầu thu hồi đất thì Tổ chức trực tiếp thực hiện bồi thường báo cáo Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cấp huyện xem xét, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thu hồi và bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

3. Diện tích đất thu hồi giao cho UBND cấp xã quản lý, bố trí đất sản xuất cho hộ dân trong vùng thiếu đất sản xuất, có nhu cầu sử dụng đất. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ do chủ đầu tư dự án chi trả theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Việc xử lý chênh lệch giá trị bồi thường về đất nơi đi và nơi đến đối với quy định tại Khoản 5, Điều 5, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg được thực hiện như sau:

a) Nếu giá trị đất nông nghiệp được giao nhỏ hơn giá trị đất bị thu hồi (tính theo giá đất trong bảng giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) thì hộ bị thu hồi đất được nhận phần giá trị chênh lệch.

b) Nếu giá trị đất nông nghiệp được giao lớn hơn giá trị đất bị thu hồi (tính theo giá đất trong bảng giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) thì hộ bị thu hồi đất không phải nộp bù phần giá trị chênh lệch.

Điều 4. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản trên đất tại Khoản 1, Khoản 3, Điều 6 và Điều 7, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg

1. Chính sách bồi thường về tài sản được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND.

2. Hộ tái định cư và hộ bị ảnh hưởng nhận khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng (trừ rừng đặc dụng) có xây dựng lán trại với mục đích bảo vệ rừng trên đất nhận khoán, được bên giao khoán đồng ý bằng văn bản và có đăng ký với UBND cấp xã sở tại, khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường thiệt hại bằng 80% giá trị làm lán trại mới. Trường hợp việc xây dựng lán trại nêu trên chưa được bên giao khoán đồng ý bằng văn bản, chưa có đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại thì được hỗ trợ bằng 50% giá trị làm lán trại mới.

3. Đơn giá bồi thường, hỗ trợ: Đơn giá bồi thường tài sản theo quy định của UBND tỉnh tại thời điểm thu hồi đất. Kết cấu nhà để tính hỗ trợ giao Sở Xây dựng xác định cụ thể.

Điều 5. Hỗ trợ theo Khoản 2, Điều 8 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg

Ngoài việc bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 38, Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND. Trường hợp các hộ tái định cư tại nơi phải di chuyển có đủ điều kiện tự di chuyển, tự nguyện vận chuyển người, tài sản được hỗ trợ bằng tiền để tự vận chuyển, không làm đường tạm. Mức hỗ trợ di chuyển thêm là 10.000.000 (mười triệu) đồng cho mỗi hộ.

Điều 6. Hỗ trợ sản xuất quy định tại Điều 10 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg

1. Hỗ trợ sản xuất đối với hộ tái định cư quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 10, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg thực hiện như sau: Hỗ trợ 03 năm kinh phí khuyến nông cho hộ tái định cư được giao đất sản xuất nông nghiệp là đất xấu phải cải tạo (đất có độ phì dưới mức trung bình) và đất khai hoang. Mức hỗ trợ được thực hiện một lần với đơn giá 2.000 đồng/m².

Giao Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện, trên cơ sở phương án giao đất được UBND cấp huyện quyết định theo Quy định này, phối hợp với UBND cấp xã nơi có đất xác định diện tích đất sản xuất nông nghiệp là đất xấu phải cải tạo (đất có độ phì dưới mức trung bình) và đất khai hoang, gửi cho Tổ chức trực tiếp thực hiện bồi thường để tính hỗ trợ cho hộ dân.

2. Hộ bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất sản xuất để xây dựng khu, diêm tái định cư được hỗ trợ một lần theo diện tích đất sản xuất bị thu hồi. Mức hỗ trợ sản xuất bằng 2.000 đồng/m² đất bị thu hồi.

Điều 7. Hỗ trợ khác theo Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4, Điều 11, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg

1. Hộ tái định cư được hỗ trợ tham quan diêm tái định cư, gồm: Chi phí thuê phương tiện, ăn, ở trong thời gian tham quan, theo hình thức Nhà nước tổ chức cho đại diện hộ tái định cư tham quan (hỗ trợ một lần). Cụ thể như sau: Tổ chức trực tiếp thực hiện bồi thường tổ chức đưa người dân đến tham quan diêm tái định cư. Kinh phí tham quan do Tổ chức trực tiếp thực hiện bồi thường xây dựng kế hoạch tham quan, lập dự toán để báo cáo Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cấp huyện xem xét, trình UBND cấp huyện phê duyệt và tổ chức tham quan theo kế hoạch được duyệt.

2. Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ: Các hộ di chuyển sớm hơn tiến độ yêu cầu của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ngoài việc được hỗ trợ khen thưởng theo Điểm c, Khoản 3, Điều 29, Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND, còn được thưởng thêm 3.000.000 đồng cho một hộ (thưởng một lần).

3. Đối với đồng bào các dân tộc không có tập quán di chuyển mồ mà được hỗ trợ một lần kinh phí làm lễ tâm linh theo truyền thống. Mức hỗ trợ một lần bằng 3.000.000 đồng/ngôi mộ.

Điều 8. Giao đất khu, diêm tái định cư tập trung quy định tại Khoản 1, Điều 12, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg

1. Đất ở: Thực hiện theo Điểm a, Khoản 1, Điều 12, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg và Điều 32, Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND.

2. Đất sản xuất đối với hộ đến diêm tái định cư tập trung nông thôn:

a) Được bồi thường thiệt hại về đất sản xuất bằng việc giao đất sản xuất hoặc bằng tiền bồi thường, hỗ trợ về đất đã thu hồi;

b) Được giao đất lâm nghiệp, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản tại diêm tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu tại diêm tái định cư có quỹ đất).

3. Hạn mức giao đất sản xuất tại Khoản 2, Điều này, cụ thể như sau: Diện tích giao đất cụ thể đối với từng loại đất, từng hộ dân do UBND cấp huyện quyết định. Diện tích giao đất cụ thể đối với từng loại đất cho hộ dân không thấp hơn hạn mức theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 129, Luật Đất đai năm 2013.

Điều 9. Chính sách hỗ trợ tại Điểm c, Điểm d, Khoản 1 và Điểm b Khoản 2, Điều 16, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg

1. Hỗ trợ hai lần tiền mua giống gia cầm và thủy sản hoặc một lần tiền mua giống gia súc quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 16: Mức hỗ trợ bằng 10.000.000 đồng/hộ.

2. Hỗ trợ lãi suất vốn vay đối với hộ nghèo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 16: Hỗ trợ lãi suất vốn vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo hiện hành để mua giống gia súc, gia cầm, thủy sản hoặc phát triển ngành nghề. Mức vay được hỗ trợ lãi suất theo nhu cầu của từng hộ nhưng không quá 50.000.000 đồng/hộ. Thời gian hỗ trợ lãi suất là 03 năm.

3. Các hộ được giao đất trồng rừng sản xuất được hỗ trợ một lần bằng 10.000.000 đồng cho một ha để mua cây giống, phân bón và chi phí một phần nhân công trồng rừng.

Điều 10. Lập và thực hiện dự án ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư

1. UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan lập Dự án đầu tư ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

2. Việc lập đề cương, dự toán kinh phí, nội dung Dự án và trình thẩm định, phê duyệt thực hiện theo Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9, Thông tư số 22/2015/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

a) Xây dựng và hướng dẫn UBND cấp huyện thực hiện Dự án đầu tư ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện;

b) Tổng hợp vốn các dự án, tham mưu cho UBND tỉnh đăng ký vốn dự án, kế hoạch sử dụng vốn ngân sách trung ương hàng năm với Bộ Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn để cân đối, tổng hợp, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;

c) Đầu mỗi tổng hợp tham mưu UBND tỉnh để phối hợp với các Bộ, ngành thu xếp vốn hàng năm và triển khai thực hiện đầu tư dự án theo các quy định hiện hành, đảm bảo đúng tiến độ. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quản lý thực hiện dự án tại địa phương và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; hàng quý báo cáo công tác quản lý và sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương theo quy định, gửi về các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

d) Kiểm tra việc quản lý thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh; tổng hợp những tồn tại vướng mắc trong quá trình thực hiện, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Quy định này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí xây dựng Dự án do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập theo quy định tại Điều 10, Quy định này.

4. Sở Tài chính:

a) Thực hiện cân đối tài chính hàng năm để bố trí vốn từ ngân sách nhà nước cho việc thực hiện chính sách này;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, quản lý và cấp phát, thanh toán, quyết toán vốn bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và vốn dự án đầu tư ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.

5. Sở Xây dựng: Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch xây dựng các điểm tái định cư nông thôn, tái định cư đô thị, quy hoạch xây dựng nhà ở, xây dựng nông thôn mới; về tiêu chuẩn, định mức, dự toán xây dựng các công trình trong khu, điểm tái định cư; xác định kết cấu nhà, công trình để tính bồi thường, hỗ trợ.

6. UBND cấp huyện.

a) Chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn và giải quyết các chế độ chính sách theo quy định này và các quy định pháp luật hiện hành. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức theo quy định;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện Dự án đầu tư ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn;

c) Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chính sách tại Quyết định này nhằm bảo đảm tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện.

7. Chủ đầu tư các dự án thủy lợi, thủy điện.

a) Thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 20, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg;

b) Phối hợp với Tổ chức trực tiếp thực hiện bồi thường, các đơn vị có liên quan đề trình UBND cấp huyện quyết định mức hỗ trợ lương thực cho các hộ dân theo Khoản 1, Điều 9, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Điều 12. Quy định chuyển tiếp

Thực hiện theo Điều 23, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg, như sau:

1. Đối với quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: Các dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo Quy định này.

2. Đối với quy định về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư: Các dự án thủy lợi, thủy điện quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg đã hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ sau năm 2006.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Lãnh đạo các sở, ban, ngành chức năng của tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình chủ động phổ biến, quán triệt, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện nghiêm túc Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, UBND cấp huyện, các sở, ngành có liên quan và chủ đầu tư kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét giải quyết theo quy định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Ngọc Hai